



# PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

■ Ngô Xuân Vinh và cộng sự  
*Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn phát triển Công thương Nghệ An*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, ở thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã nhận thức rõ, công nghiệp hỗ trợ (CNHT) có vai trò to lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực công nghiệp của địa phương, quốc gia... Giai đoạn sau năm 2010, những cải cách kinh tế theo hướng tự do hóa đã tạo thêm động lực cho khu vực tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, qua đó giúp tăng năng suất lao động trong khu vực công nghiệp và góp phần làm tăng năng suất lao động của nền kinh tế. Thu nhập của người lao động trong khu vực công nghiệp cũng được cải thiện đáng kể.

Tại Nghệ An, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, đã xác định nhiệm vụ phát triển CNHT là mục tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025. Có thể nói, phát triển công nghiệp có vai trò quan trọng đối với tỉnh Nghệ An nói riêng, cho khu vực và cả nước nói chung. Tuy nhiên, CNHT Việt Nam nói chung Nghệ An, nói riêng đang bộc lộ những tồn tại, hạn chế và phát sinh những vấn đề mới. Việc tổ chức thực hiện một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ còn nhiều vướng mắc, thiếu nhất quán và chưa ổn định. Các chính sách phát triển các ngành công nghiệp

ché biến, chế tạo được ưu tiên phát triển như điện tử, cơ khí trọng điểm, sản xuất và lắp ráp ô tô, dệt may, da giày... nhằm tạo thị trường cho các sản phẩm CNHT cũng chưa đạt được những kết quả như mong muốn. Tình trạng nhập siêu nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng rất lớn, tỷ lệ nội địa hóa các ngành công nghiệp còn thấp. Các doanh nghiệp (DN) CNHT Việt Nam còn nhiều hạn chế về năng lực tổ chức quản lý sản xuất và công nghệ kỹ thuật; thiếu nguồn lực để đổi mới; lĩnh vực sản xuất khá giống nhau, cả về trình độ, quy mô, công nghệ và sản phẩm; chưa đủ năng lực cung cấp linh kiện và phụ tùng đáp ứng các yêu cầu để tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Trước thực tế đó, đề tài này được triển khai nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng phát triển CNHT ở Nghệ An giai đoạn năm 2015-2020, tồn tại hạn chế, nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng; Xây dựng được định hướng ưu tiên, nội dung phát triển một số ngành CNHT trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề xuất được bộ giải pháp và đề án phát triển CNHT giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Những đóng góp của CNHT vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An

- *Đóng góp vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) và tăng trưởng kinh tế:* Công nghiệp, xây dựng tiếp tục có bước tăng trưởng với tốc độ bình quân giai đoạn 2011-2020 là 9,91% (giai đoạn 2011-2015 tăng 8,71%; giai đoạn 2016-2020 tăng 11,12%). Lĩnh vực công nghiệp giai đoạn 2011-2020 tăng trưởng 13,62% (giai đoạn 2011-2015 tăng 14,92%; giai đoạn 2016-2020 tăng 12,34%). Cơ cấu nội ngành công nghiệp tiếp tục chuyển dịch nhanh và đúng hướng. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng tăng và giảm dần tỷ trọng ngành khai thác, chế biến khoáng sản.

- *Đóng góp cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế:* Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ

72,58% năm 2010 lên 73,64% năm 2015 và đạt 75,38% năm 2020; tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 27,42% năm 2010 xuống 26,36% năm 2015 và còn 24,62% năm 2020. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh khai thác tiềm năng, lợi thế của ngành lâm nghiệp và thủy sản: Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp thuần giảm từ 81,98% năm 2015 xuống còn 77,22%; tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng từ 5,64% năm 2015 lên đạt 6,71%; tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản tăng từ 12,38% năm 2015 lên 16,07%.

- *Đóng góp vào nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh:* Giai đoạn 2016-2022, Nghệ An có 822 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký 144.703 tỷ đồng vào sản xuất công nghiệp. Dự án ngành CNHT có 193 dự án bao gồm các dự án có hoạt động trong ngành CNHT, chiếm khoảng 17% tổng số dự án, với tổng số vốn ước tính đạt khoảng 53.000 tỷ đồng (Trong đó, có khoảng 50 dự án FDI, với tổng số vốn đầu tư 30.000 tỷ đồng, vốn trong nước 23.000 tỷ đồng). Riêng năm 2022, thu hút 77 dự án, với tổng số vốn khoảng 18.000 tỷ đồng. Các dự án đầu tư được thực hiện đã bổ sung nguồn lực quan trọng vào nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh. Tỷ trọng đóng góp của các dự án đầu tư trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh Nghệ An có xu hướng tăng theo từng năm, từng giai đoạn. Cụ thể giai đoạn 2006-2010 thu hút được 266 dự án/93.468 tỷ đồng, giai đoạn 2011-2014, 249 dự án/51.016 tỷ đồng. Tổng cả 2 giai đoạn 2006-2014 có 515 dự án/144.484 tỷ đồng. Như vậy so

với giai đoạn 2016-2022, tổng vốn thu hút đầu tư tăng khá nhanh.

- *Thu ngân sách nhà nước*: Thu ngân sách từ khu vực DN liên tục tăng qua các năm (năm 2016, thu từ khu vực DN đạt 7.431 tỷ đồng; năm 2020, đạt 10.501 tỷ đồng, tăng 41,3% so với năm 2016), chiếm tỉ trọng lớn trong tổng thu trên địa bàn tỉnh (bình quân đạt 62% tổng thu ngân sách). Nguồn thu nội địa từ khu vực DN liên tục tăng, riêng nguồn thu từ thuế xuất nhập khẩu năm 2020 giảm do ảnh hưởng đại dịch Covid-19. Số DN có mức nộp ngân sách trên 50 tỷ tăng dần qua các năm và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng thu nội địa. Như vậy, có thể thấy nhờ thực hiện các giải pháp phát triển DN, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư nên thu ngân sách tỉnh từng bước có sự gia tăng theo từng năm. Các dự án đầu tư đi vào hoạt động đã có những đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước; giá trị nộp ngân sách nhà nước tăng đều qua từng năm<sup>(1)</sup>.

## 2. Thực trạng phát triển CNHT tại Nghệ An

### 1.1. Thực trạng về phát triển DN CNHT

Theo số liệu khảo sát 315 DN có hoạt động trong ngành CNHT và các DN có liên quan: Có 51% số DN có tiềm lực tài chính ở mức trung bình, 41% DN năng lực tài chính thấp và chỉ có 8% đủ năng lực để đầu tư sản xuất sản phẩm CNHT tham gia vào chuỗi giá trị,

chủ yếu là các DN vốn FDI. Chất lượng nguồn nhân lực có tới 35% ở mức thấp và chỉ có 6% nhân lực CNHT ở mức cao. Về cơ sở vật chất, trình độ công nghệ của các DN CNHT: 58% được đánh giá đạt mức trung bình, 35% DN được khảo sát có cơ sở vật chất sản xuất đạt ở mức thấp, 7% số DN mức cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh của DN đã có nhiều chuyển biến, 54% DN ở mức trung bình; 12% ở mức cao nhưng mức tối đa hóa hầu như không có DN nào áp dụng. Khả năng cung ứng sản phẩm của các DN đáp ứng nhu cầu thị trường ở mức trung bình chiếm 41% và đạt yêu cầu, còn lại ở mức thấp. Mức độ hợp tác, liên kết chưa cao, mức trung bình chiếm khoảng 39%, còn mức cao và rất cao chiếm khoảng 13%.

### 1.2. Thực trạng về nguồn nhân lực

Lực lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế có 1.906.340 người, trong đó có 87,94% làm việc ở khu vực nông thôn, 12,06% làm việc ở khu vực thành thị. Lực lượng lao động qua đào tạo đạt tỷ lệ 65%, trong đó, có văn bằng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

chúng chỉ đạt 25,3%; tỷ lệ lao động có văn bằng chứng chỉ đang làm việc trong nền kinh tế là 20,97%. Chất lượng lao động của tỉnh đang có chuyển biến rõ rệt theo hướng tích cực. Tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo của tỉnh năm 2020 đạt 70,0%, tăng 36,5% so với năm 2010, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 18,6%<sup>(2)</sup>.

### **1.3. Tình hình phát triển CNHT trong các nhóm, ngành**

**1.3.1. Ngành dệt - may:** Hiện có khoảng 31 nhà máy, cơ sở đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó một số nhà máy có quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động như: Nhà máy may Minh Anh - Kim Liên 3.000 công nhân, Nhà máy may Minh Anh - Đô Lương 4.000 công nhân, Nhà máy may HAIVINA Kim Liên 2.000 công nhân, Nhà máy may Nam Giang 2.000 công nhân, Nhà máy may Nam Thuận 2.500 công nhân, Nhà máy may Hi-Tex (Thái Hòa) 1.098 lao động, Nhà máy may Vinatex Hoàng Mai 1.200 lao động, Nhà máy May An Hưng 1.500 công nhân... Các nhà máy may đã góp phần giải quyết nhiều việc làm cho lao động khu vực nông thôn. Tổng số lao động làm việc tại các nhà máy may hiện nay khoảng 26.000-27.000 người<sup>(3)</sup>.

Tuy nhiên, theo số liệu thống kê, hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 02 cơ sở sản xuất sợi và nguyên phụ liệu ngành may là Nhà máy sợi Vinh công suất sản xuất hàng năm từ 16.000-18.000 tấn sợi các loại/năm; 01 cơ sở thuê các phụ kiện cho các nhà máy may trên địa bàn tỉnh tại cụm công nghiệp Lạc Sơn (huyện Đô Lương) quy mô lao động 200 người. Như vậy, có thể nói ngành CNHT trong ngành dệt may chưa phát triển.

**1.3.2. Ngành da - giày:** Theo số liệu thống kê, ngành công nghiệp da - giày trên địa bàn tỉnh có 05 dự án đầu tư, với tổng số vốn đầu tư khoảng 3.500 tỷ đồng, bao gồm 02 dự án sản xuất gia công giày, dép xuất khẩu (không bao gồm công đoạn thuộc da), với quy mô 38 triệu đôi sản phẩm/năm do Tập đoàn Hoa Lợi (HuaLi Group) (Đài Loan, Trung Quốc), với

tổng mức đầu tư 88 triệu USD (tương đương 2.110 tỷ đồng); Dự án sản xuất, gia công các loại giày, dép và nguyên phụ liệu giày dép các loại phục vụ xuất khẩu có công suất 6 triệu sản phẩm/năm do Ever Plus Nghệ An làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 30 triệu USD (tương đương 720 tỷ đồng). Dự án sản xuất và gia công giày do Công ty TNHH Đỉnh Vàng chi nhánh tại Nam Đàn, Nghệ An là chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng; dự án xây dựng nhà máy sản xuất, gia công giày dép Viet Glory tại xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu với tổng vốn đầu tư 502 tỷ đồng.

**1.3.3. Ngành điện - điện tử:** Trong những năm qua, tỉnh ta đã đồng bộ triển khai thu hút các dự án sản xuất các loại linh kiện điện tử, thiết bị đa phương tiện truyền thông. Đến nay, cả tỉnh có khoảng trên 20 DN ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông, một số dự án có quy mô lớn gồm: Luxshare-ICT công suất 62,5 triệu SP/năm, vốn đầu tư 140 triệu USD, Everwin 200 triệu USD, Goertek 100 triệu USD, Juteng 200 triệu USD, Mery&Luxshare 40 triệu USD... Sản phẩm chủ yếu là thiết bị điện tử, viễn thông và các thiết bị ứng dụng trong điện thoại di động, vi mạch bán dẫn công nghệ cao. Lĩnh vực sản xuất thiết bị điện hiện chỉ có Công ty TNHH Trường Giang A (KCN Bắc Vinh) là đủ khả năng cung cấp các loại sản phẩm hỗ trợ phục vụ ngành công nghiệp điện. Còn lại có một số cơ sở sản xuất thiết bị điện, linh kiện điện tử nội địa nhưng quy mô còn nhỏ, sản phẩm chất lượng chưa cao, thị trường tiêu thụ khó khăn.

1.3.4. *Ngành sản xuất ô tô (bao gồm các ngành sản xuất xe có động cơ):* Theo số liệu điều tra, cả tỉnh có 04 DN sản xuất các linh phụ kiện trong ngành ô tô là Công ty TNHH Nagota (Nhật Bản), chuyên sản xuất linh kiện, phụ kiện ô tô với tổng vốn đầu tư 4,3 triệu USD (khoảng trên 100 tỷ đồng) và dự án của Công ty TNHH Woosin Vina (Hàn Quốc) sản xuất phụ tùng xe ô tô (bộ dây cáp dùng cho xe ô tô), công suất 1,3 triệu sản phẩm/năm với tổng vốn đầu tư 14 triệu USD (tương đương 330 tỷ đồng) đã đi vào hoạt động.

1.3.5. *Ngành cơ khí - chế tạo (sản phẩm từ kim loại đúc sẵn):* Theo số liệu thống kê, toàn tỉnh có khoảng 163 DN công nghiệp cơ khí đang hoạt động, chỉ có 05 DN có hoạt động về CNHT (không tính DN CNHT ngành sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy), 23 cơ sở gia công một số chi tiết máy móc, thiết bị ngành cơ khí và 06 cơ sở sản xuất các thiết bị cho ngành đóng tàu, thuyền. Tuy nhiên, hiện nay các DN này chủ yếu là các DN có hoạt động trong ngành CNHT; sản xuất, gia công chủ yếu theo đặt hàng nhỏ lẻ cung cấp để thay thế, sửa chữa ở các nhà máy sản xuất công nghiệp mà chưa có DN nào tham gia vào chuỗi sản xuất thương mại.

3.3.6. *Ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao:* Trong những năm qua, Nghệ An đã chủ trương thu hút một số dự án như: sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, các vật liệu quý hiếm;

sản xuất hợp kim, thép cao cấp, sắt xốp, kim loại đặc biệt; sản xuất vật liệu chống cháy; vật liệu mới...<sup>(4)</sup>. Tuy nhiên, đến nay Nghệ An chưa có DN tham gia sản xuất các loại sản phẩm nhận diện trong ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3.3.7. *Ngành sản xuất bao bì, in ấn và tem nhãn:* Lĩnh vực CNHT sản xuất bao bì, in ấn và tem nhãn có khoảng 20 DN đang hoạt động, chủ yếu là DN trong nước quy mô nhỏ và vừa. Đây cũng là lĩnh vực CNHT phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp hạ nguồn khác nhau như bao bì giấy carton, bao bì nhựa và in ấn trên bao bì... Một số DN điển hình có thể kể đến là: Nhà máy bao bì Sabeco Sông Lam, chuyên sản xuất vỏ lon bia hai mảnh và bao bì carton cho nhà máy bia trong hệ thống Tập đoàn Sabeco; Công ty Cổ phần bao bì và kinh doanh tổng hợp Nghệ An (thành phố Vinh) sản xuất bao bì xi măng và bao bì nông sản; Công ty cổ phần bao bì Nghệ An và Công ty cổ phần nhựa bao bì Vinh (thành phố Vinh) sản xuất bao bì xi măng, bao bì nông sản



Hoạt động CNHT ở một số nhóm ngành sản xuất tại tỉnh Nghệ An

và các sản phẩm bằng nhựa; Công ty cổ phần Âu Việt, chuyên sản xuất bao bì công nghiệp; Công ty cổ phần nhựa Mega (Nghĩa Đàn), Công ty cổ phần nhựa Hà Tiên (Diễn Châu) chuyên sản xuất hạt nhựa nguyên liệu, hạt nhựa nguyên sinh và hạt nhựa tái chế...

### **3. Giải pháp phát triển CNHT ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030**

*3.1. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách phát triển CNHT ưu tiên phát triển:* Hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút đầu tư và dự án đầu tư, phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp chuyên sâu để tạo cụm liên kết ngành phục vụ thu hút đầu tư phát triển CNHT; Giải pháp cải cách thủ tục hành chính nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư và thu hút chọn lọc các dự án đầu tư; tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư trên địa bàn; chủ động hỗ trợ các nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tăng cường công tác phổ biến, thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về môi trường đầu tư, kinh doanh, các chủ trương, chính sách của tỉnh đến tất cả các cán bộ thuộc các cấp, các ngành và cả cộng đồng các DN tạo sự đồng thuận, nhận thức chung về chủ trương nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư của tỉnh.

*3.2. Giải pháp phát triển chuỗi giá trị liên kết:* Hình thành và phát triển chuỗi giá trị thông qua thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các DN trên địa bàn tỉnh với các DN đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài. Đẩy mạnh hợp tác liên kết vùng, khu vực để tạo cơ hội hợp tác cho các DN của tỉnh trở thành mắt xích cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm cho các DN lớn tạo thành mạng lưới vệ tinh sản xuất, cung ứng nguyên liệu, linh kiện. Thường xuyên tổ chức các chương trình triển lãm, giới thiệu sản phẩm công nghiệp hỗ

trợ Đà Nẵng; đồng thời, tạo điều kiện cho các DN hỗ trợ thành phố tham gia các hội chợ công nghệ, triển lãm, hội thảo chuyên đề công nghiệp hỗ trợ trong nước và nước ngoài (tập trung ở khu vực ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ, Đài Loan - Trung Quốc...) để mở rộng khả năng học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm đối tác và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

*3.3. Giải pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:* Triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo nghề của tỉnh nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động nhất là đội ngũ cán bộ kỹ thuật. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có các kỹ năng mới cần thiết như các kỹ năng về thiết kế, phát triển sản phẩm, kỹ năng về quản lý trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0...

*3.4. Giải pháp về khoa học và công nghệ:* Tập trung nâng cao trình độ công nghệ, thiết bị tiên tiến để đáp ứng yêu cầu các sản phẩm CNHT xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị trong nước. Khuyến khích DN ứng dụng tiên bộ khoa học và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, đa dạng hoá các loại hình hợp tác để tranh thủ tối đa về chuyển giao công nghệ hiện đại từ các đối tác nước ngoài. Tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ cho DN CNHT và chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm

tạo sự bứt phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của DN CNHT; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học - công nghệ...

**3.5. Nâng cao năng lực DN CNHT:** Tập trung nâng cao năng lực khoa học - công nghệ cho DN CNHT và chế biến, chế tạo ưu tiên nhằm tạo sự bứt phá về hạ tầng, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của DN CNHT; tăng cường cơ chế hợp tác công tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển.

**3.6. Xây dựng cơ sở dữ liệu cho phát triển CNHT của tỉnh Nghệ An:** Đây được xem như giải pháp trọng tâm và hữu hiệu cho việc phát triển liên kết công nghiệp. Để hạn chế các rủi ro trong quá trình liên kết và tăng cường khả năng liên kết của các DN, cần xây dựng một cơ chế đánh giá rủi ro và cung cấp thông tin DN.

### III. KẾT LUẬN

Đối với Nghệ An, việc phát triển một nền công nghiệp vững mạnh luôn là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển của tỉnh. Địa phương đang tìm mọi cách để công nghiệp hóa mạnh hơn, sâu hơn và chuyên môn hóa cao hơn ở tầm quốc tế nhằm đạt được các lợi thế cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới. Một trong các chiến lược được lựa chọn là thu hút các nguồn vốn và công nghệ của các quốc gia phát triển thông qua các hình thức đầu tư và liên kết kinh doanh. Để thực hiện được điều đó, phát triển CNHT là điều kiện bắt buộc.

Từ kinh nghiệm của các quốc gia, các tỉnh trong phát triển CNHT, chúng tôi đã tổng hợp các kinh nghiệm, mô hình phát triển CNHT. Qua đó, các điều kiện hình thành và phát triển các ngành công nghiệp này được nhận diện và phân tích cũng như đánh giá các điều kiện cơ bản là các yếu tố cung, cầu và môi trường hoạt động. Với việc phân tích một cách tổng quát sự phát triển của CNHT trên nhiều góc nhìn và cách tiếp cận khác nhau như quan điểm về xây dựng chính sách công nghiệp, lý thuyết về cạnh tranh khu vực, sự phát triển ngành công nghiệp và các lý thuyết hiện đại về phát triển công nghiệp. Chúng tôi đã đưa ra các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của các ngành CNHT của một quốc gia và khu vực, theo quan điểm phân tích dựa trên lý thuyết về lợi thế cạnh tranh khu vực. Trên cơ sở đó, các giải pháp mang tính chính sách kích thích thị trường (thu hút đầu tư) và các giải pháp hỗ trợ thị trường cũng như vai trò của các cơ quan quản lý trong việc thực thi đã được phân tích và đề nghị các giải pháp cụ thể để giải quyết vấn đề phát triển CNHT ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 một cách cụ thể./.

### Chú thích:

<sup>(1)</sup> Chưa có số liệu thống kê cho ngành sản xuất CNHT, trọng phạm vi chuyên đề nguồn thuế được tính chung cho tổng các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh - Số liệu Cục Thống kê Nghệ An.

<sup>(2)</sup> Đề án giải quyết việc làm cho người lao động giai đoạn 2021-2025 Ban hành kèm theo Quyết định số 2920/QĐ-UBND tỉnh ngày 12/8/2021.

<sup>(3)</sup> Báo cáo Sở Công Thương ban hành Chỉ thị của UBND tỉnh Nghệ An về việc một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành dệt may trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

<sup>(4)</sup> Danh mục Dự án thu hút đầu tư - Kỳ yếu Danh mục kêu gọi, thu hút đầu tư vào Nghệ An đến 2030.